

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17 /QĐ- UBND

Nghĩa Thương, ngày 09 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHĨA THƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Quyết định số 8628/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND huyện Tư Nghĩa, về việc giao dự toán thu Ngân sách trên địa bàn, chi Ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND, ngày 30 tháng 12 năm 2022, của HĐND xã Nghĩa Thương, về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách xã Nghĩa Thương năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công khai dự toán thu, chi Ngân sách năm 2023 cho các ban, ngành, hội, đoàn thể, với số tiền: 9.139.813.000 đồng.

Số tiền bằng chữ: Chín tỷ một trăm ba mươi chín triệu tám trăm mười ba ngàn đồng.

(Có phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào dự toán được công khai

tại điều 1, quyết định này Văn phòng UBND xã, các ban, ngành, hội, đoàn thể, bố trí nguồn kinh phí thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn.

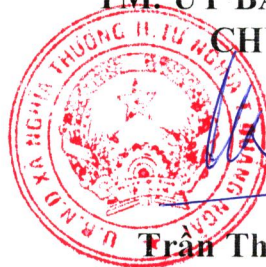
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Văn phòng UBND xã, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- KBNN TN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Tịnh

PHỤ LỤC SỐ 01

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NGHĨA THƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo quyết định số: 17 /QĐ-UBND ngày 09/01/2023)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung thu	Dự toán thu năm 2023 theo chỉ tiêu pháp lệnh	Dự toán thu năm 2023 theo NQ HĐND xã	Tỷ lệ được hưởng	Ghi chú
	Tổng thu ngân sách xã	758.000.000	9.139.813.000		
I	Phần thu xây dựng kết cấu hạ tầng		550.000.000		
II	Phần thu hoạt động ngân sách xã	758.000.000	6.162.873.000		
III	Thu bổ sung có mục tiêu		545.582.000		
IV	Thu chuyển nguồn ngân sách		500.000.000		
V	Thu kết dư Ngân sách		1.381.358.000		
	Trong đó:				
I	Phần thu xây dựng kết cấu hạ tầng	0	550.000.000	0	
1	Thu đóng góp của nhân dân để trả nợ các công trình đường bê tông GTNT		100.000.000		Tổng nợ đọng: 956.000.000 đồng
2	Thu đóng góp đối ứng để trả nợ xây dựng các công trình KCH kênh mương		200.000.000		Tổng nợ đọng: 847.531.000 đồng
3	Thu tiền đấu giá ki ốt, nhà lồng chợ Điện An		50.000.000		4 ki ốt, 2 nhà lồng
4	Thu đóng góp nhân dân để trả nợ XD NVH thôn		200.000.000		Tổng nợ đọng: 801.931.000 đồng
II	Phần thu hoạt động ngân sách xã	758.000.000	6.162.873.000		
A	Thu từ nguồn điều tiết thuế	693.000.000	412.860.000		
1	Thuế GTGT và TN doanh nghiệp	242.000.000	79.860.000	33	
2	Phí môn bài	22.000.000	22.000.000	100	
3	Thuế trước bạ nhà đất	150.000.000	150.000.000	100	
4	Thuế đất phi nông nghiệp	118.000.000	118.000.000	100	
5	Thu phí, lệ phí	43.000.000	43.000.000	100	
6	Thuế thu nhập cá nhân	118.000.000	-	-	
B	Nguồn thu tại địa phương	65.000.000	65.000.000	100	
1	Thu từ QĐCI + nợ	45.000.000	45.000.000	100	
2	Thu xử phạt vi phạm hành chính và thu khác	20.000.000	20.000.000	100	
C	Thu bổ sung cân đối Ngân sách		5.685.013.000		
III	Thu bổ sung có mục tiêu		545.582.000		
1	Các chương trình mục tiêu chưa xác định nội dung chi		361.296.000		
2	Phụ cấp đội dân phòng		90.090.000		



3	Kinh phí thực hiện tổ chức cơ sở Đảng		75.996.000		
4	Kinh phí Ban Thanh tra nhân dân		5.000.000		
5	Kinh phí hỗ trợ công tác viên, bảo vệ chăm sóc trẻ em		13.200.000		
IV	Thu chuyển nguồn ngân sách		500.000.000		
V	Thu kết dư Ngân sách		1.381.358.000		



PHỤ LỤC SỐ 02

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NGHĨA THƯƠNG NĂM 2023

(kèm theo quyết định số: 17/UBND ngày 09 /01/2023)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán chi năm 2023 theo NQ HĐND xã	Ghi chú
	Tổng chi ngân sách xã	9.139.813.000	
I	Chi xây dựng kết cấu hạ tầng	650.000.000	
II	Chi hoạt động ngân sách xã	7.444.231.000	
III	Chi chuyển giao từ ngân sách cấp trên để thực hiện các chương trình nguồn vốn bổ sung có mục tiêu	545.582.000	
1	Các chương trình mục tiêu chưa xác định nội dung chi	361.296.000	
	Phụ cấp Cộng tác viên bảo vệ trẻ em	13.200.000	
	Kinh phí thực hiện tổ chức cơ sở Đảng	75.996.000	
	Kinh phí ban Thanh tra nhân dân	5.000.000	
	Phụ cấp đội dân phòng	90.090.000	
IV	Chi chuyển nguồn ngân sách	500.000.000	
A	Chi đầu tư, phát triển	650.000.000	
1	Chi làm đường bê tông GTNT	100.000.000	
2	Chi tiền xây dựng chợ	50.000.000	
3	Chi sửa chữa nhà văn hóa thôn	300.000.000	Chi xây dựng nhà vệ sinh, cổng chào văn hóa thôn
4	Chi trả nợ XDCB các công trình	200.000.000	
B	Chi thường xuyên	7.444.231.000	
I	Phần chi quản lý nhà nước.	3.356.604.000	
1	Chi lương, phụ cấp chức vụ CB xã	1.307.885.466	
2	Phụ cấp Công vụ	333.059.700	
3	BHXH, BHYT, KPCĐ CBCC	406.332.834	
4	Chi trả phụ cấp không chuyên trách ở xã	326.080.000	
5	Chi trả phụ cấp cán bộ thôn	802.454.000	
6	Chi tiền công lao động hợp đồng	40.000.000	
7	Đội công tác XH tình nguyện	60.792.000	
8	Phụ cấp khác	80.000.000	
II	Hoạt động Đảng ủy	287.324.000	
+	Phụ cấp, cấp ủy viên	80.460.000	
+	Chi hoạt động 12 chi bộ	85.050.000	
+	Chi công tác đảng (theo QĐ 99/QĐ)	116.814.000	
+	Chi hoạt động dân vận	5.000.000	
III	HĐND xã	374.192.000	



-	Chi sinh hoạt phí ĐB HĐND xã	150.192.000	
-	Chi hỗ trợ, thông tin liên lạc, tiếp xúc cử tri, khám chữa bệnh, phụ cấp kiêm nhiệm CT, PCT, các ban HĐND theo NQ 06&41 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	125.400.000	
-	Chi hoạt động của TT HĐND xã	83.600.000	
-	Chi hoạt động giám sát các ban HĐND	15.000.000	
IV	Chi hoạt động UBND	1.864.047.000	
1	Hoạt động Văn phòng UBND xã	1.010.000.000	
+	Chi hoạt động quản lý HC VP 1 cửa	60.000.000	
+	Chi mua mực in máy tính, máy pho to copy, thiết bị tin học	60.000.000	
+	Chi sách báo, cước phí điện thoại, điện chiếu sáng	35.000.000	
+	Hội nghị sơ kết tổng kết	40.000.000	
+	Chi hỗ trợ đào tạo, tập huấn	20.000.000	
+	Chi khen thưởng	60.000.000	
+	Chi trà, nước uống cơ quan	40.000.000	
+	Hoạt động 11 thôn	33.000.000	
+	Công tác phí	162.000.000	
+	Mua sắm, sửa chữa tài sản,	500.000.000	
2	Hoạt động của các cơ quan chuyên môn	120.000.000	
	Tư pháp - Hộ tịch	40.000.000	
	Địa chính - Xây dựng	40.000.000	
	Tài chính - Kế toán	40.000.000	
3	Chi quốc phòng, An ninh	714.047.000	
3.1	Chi quốc phòng	320.524.000	
+	Chi hoạt động thường xuyên	120.000.000	
+	Chi công tác tuyển quân	70.000.000	
+	Chi hỗ trợ lực lượng trực 12/24	130.524.000	
3.2	Chi an ninh	393.523.000	
+	Chi hoạt động thường xuyên	103.688.000	
+	Phụ cấp Công an viên	289.835.000	
4	Chi hoạt động công đoàn xã (có đại hội)	20.000.000	
V	Hoạt động Văn hóa - Xã hội	307.423.000	
1	Chi sự nghiệp truyền thanh	53.864.000	
2	Chi chính sách xã hội	20.199.000	
3	Chi hoạt động văn hóa	172.189.000	
-	Hoạt động Văn hóa ở Khu dân cư 11 thôn *10.000.000 (đồng)	110.000.000	
-	Hoạt động văn hóa thông tin	62.189.000	
4	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	51.171.000	
5	Hoạt động Y tế	5.000.000	
6	Bảo vệ trẻ em	5.000.000	
VI	UBMT TQVN xã	53.000.000	

1	Chi hoạt động thường xuyên	28.000.000	
2	Chi hoạt động ban thanh tra nhân dân	5.000.000	
3	Chi thực hiện cuộc vận động cấp xã	20.000.000	
VII	Hội Nông dân (có đại hội)	48.000.000	
	Chi hoạt động thường xuyên	28.000.000	
	Chi tổ chức đại hội mãn nhiệm kỳ	20.000.000	
VIII	Hội Liên hiệp Phụ nữ	28.000.000	
	Chi hoạt động thường xuyên	28.000.000	
IX	Đoàn Thanh niên	28.000.000	
	Chi hoạt động thường xuyên	28.000.000	
X	Hội Cựu chiến binh	28.000.000	
	Chi hoạt động thường xuyên	28.000.000	
XI	Chi sự nghiệp kinh tế	492.504.000	
1	Chi sự nghiệp Giao thông	200.000.000	
2	Chi sự nghiệp Thủy lợi	142.504.000	
3	Phòng chống thiên tai, dịch bệnh, khuyến nông, thú y	150.000.000	
XII	Chi công tác vệ sinh môi trường	80.796.000	
XIII	Chi khác	200.343.000	
1	Chi hỗ trợ các ngày lễ, tết, tết trung thu, trường học...	100.343.000	
2	Các khoản chi khác	100.000.000	
XIV	Dự phòng chi	123.594.000	
XV	Tiết kiệm chi để cải cách tiền lương	140.404.000	
XVI	Hoạt động các hội đặc thù	32.000.000	
1	Hội người cao tuổi	8.000.000	
2	Hội tù yêu nước	4.000.000	
3	Hội nạn nhân chất độc Da cam DIOXIN	4.000.000	
4	Hội khuyến học	4.000.000	
5	Hội cựu TNXP	4.000.000	
6	Hội cựu giáo chức	4.000.000	
7	Hội chữ thập đỏ	4.000.000	

